

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 274/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: ấp Ông T, xã Lợi A, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Trần Thị M - sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Ông T, xã Lợi A, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-8-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, anh T và chị Trần Thị M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên anh T yêu cầu ly hôn với chị M.

Về nuôi con chung, chia tài sản, nợ chung: Anh T tự thỏa thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị M đúng theo quy định pháp luật nhưng chị

M từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Trần Thị M đã được Văn phòng thừa phát lại Cà Mau tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2003, anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Vậy, hôn nhân giữa anh T và chị M đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Hiện nay hai người đã ly thân. Văn phòng thừa phát lại Cà Mau tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị M đúng quy định pháp luật nhưng chị M từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại phiên tòa, anh T cương quyết ly hôn với chị M. Xét mục đích hôn nhân giữa anh T và chị M không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung, chia tài sản*: Anh T tự thỏa thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Anh Tính xác định không có.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị M.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản: Anh T tự thỏa thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về nợ chung: Anh Tính xác định không có.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 22-8-2018, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008581 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc